

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Phạm Sơn Điền;
2. Thi Thị Tuyết Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 393/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HN ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khóm LQì A, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG;

Bị đơn: Anh Phan Thanh M, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp 2, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG.

Chị Nh có mặt tại phiên tòa; Anh M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Năm 2012, chị Nh và anh M tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang ngày 30/10/2013. Sau khi tổ chức lễ cưới, chị Nh và anh M sống bên gia đình cha mẹ ruột của anh M tại ấp 2, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG. Thời gian đầu, vợ

chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh M ăn chơi, cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ và con. Đồng thời, chị Nh và anh M sống xa nhau từ năm 2014 cho đến nay. Tháng 8/2020, chị Nh có khởi kiện ly hôn với anh M tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, được sự đồng ý, hàn gắn của Tòa án, chị Nh và anh M có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình nên chị Nh tự nguyện rút đơn kiện. Nhận thấy, tình cảm giữa chị Nh và anh M đã hết, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, chị Nh yêu cầu ly hôn với anh Phan Thanh M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nh và anh M có 01 (một) con chung tên Phan Thanh B, sinh ngày 02/5/2013. Hiện con chung đang sống chung với chị Nh và ông bà ngoại. Khi ly hôn, chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 610/TB-TLVA ngày 13/10/2020 cho anh Phan Thanh M thông qua người thân là ông Phan Văn H (cha ruột anh M) nhận thay và ông H xác nhận có báo lại cho anh M biết về việc chị Nh khởi kiện ly hôn với anh M tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh M đối với yêu cầu của chị Nh và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có).

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh M vắng mặt theo các lần triệu tập. Ngày 10/3/2021, Tòa án ban hành Thông báo số 72/2021/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Phan Thanh M nhưng anh M cũng không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh M vắng mặt, chị Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác M tình trạng cư trú của anh M tại Công an xã VX; Xác M mối quan hệ hôn nhân và gia đình của chị Nh và anh M tại Hội liên hiệp phụ nữ phường Long Phú; Xác M (lấy lời khai) của ông Phan Văn H (cha ruột anh M), cụ thể:

- Công an xã VX, thị xã TC cung cấp: Anh Phan Thanh M, sinh năm 1992 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 2, xã VX, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng hiện nay, anh M đã bỏ địa phương đi (không rõ bỏ đi thời gian nào) và không thường xuyên sinh sống ở địa phương. Do anh M không trình báo nên không biết đi đâu, làm gì.

- Hội liên hiệp phụ nữ phường LP, thị xã TC cung cấp: Chị Nh và anh M không cùng nhau sinh sống tại khóm LQ A, phường LP, thị xã TC nên Hội liên hiệp phụ nữ không biết mối quan hệ hôn nhân của chị Nh và anh M như thế nào. Qua tìm hiểu, chị Nh và anh M có 01 (một) con chung tên Phan Thanh B, sinh năm 2013, chị Nh trực tiếp nuôi cháu B từ nhỏ cho đến nay. Gia đình chị Nh

nuôi dưỡng cháu B tốt, cháu B ngoan ngoãn, lễ phép và học đúng độ tuổi. Đồng thời, gia đình chị Nh ở địa phương chấp hành tốt đường lối, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Ông Phan Văn H (cha ruột anh M) khai: Ông H là cha ruột Phan Thanh M và là cha chồng của chị Nh. Khoảng năm 2012, chị Nh và anh M tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận nên thống nhất tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, Nh chung sống với M và vợ chồng ông H tại ấp 2, xã VX, thị xã TC. Đến năm 2014, Nh và M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, kinh tế khó khăn, thường xuyên cãi vã, M hay cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Từ đó, Nh bỏ về nhà cha mẹ ruột của Nh sinh sống từ năm 2014 cho đến nay và không còn qua lại với M. Gia đình đã động viên nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Vợ chồng (Nh - M) có 01 (một) con chung tên Phan Thanh B, sinh ngày 02/5/2003. Hiện cháu B đang sống chung với mẹ ruột của cháu là Trần Thị N và ông bà ngoại. Đồng thời, cháu B được gia đình Nh chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, điều kiện gia đình của Nh thuộc diện khá.

Từ trước cho đến nay, giữa chị Nh và anh M không có tài sản chung và nợ chung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hôn nhân của chị Nh và anh M là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang ngày 30/10/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2014, chị Nh và anh M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh M cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Đồng thời, chị Nh và anh M sống xa nhau từ năm 2014 cho đến nay, chị Nh yêu cầu ly hôn với anh M là có căn cứ.

Về con chung: Chị Nh và anh M có 01 (một) con chung tên Phan Thanh B, sinh ngày 02/5/2013, con chung đang sống chung với chị Nh. Khi ly hôn, chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp

dưỡng nuôi con chung, cháu B cũng có nguyện vọng sống với chị Nh. Xét, chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Phan Thanh M.

Về con chung: Chị Trần Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phan Thanh B, sinh ngày 02/5/2013, anh Phan Thanh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Thanh M. Anh M có nơi cư trú tại ấp 2, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Phan Thanh M được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị N và anh Phan Thanh M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX, thị xã TC, tỉnh AG ngày 30/10/2013, hôn nhân giữa chị Nh và anh M là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị Nh khai: Năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa

hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh M ăn chơi, cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ và con. Đồng thời, chị Nh và anh M sống xa nhau từ năm 2014 cho đến nay. Tháng 8/2020, chị Nh có khởi kiện ly hôn với anh M tại Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG, được sự đồng ý, hàn gắn của Tòa án, chị Nh tự nguyện rút đơn kiện. Nhận thấy, tình cảm giữa chị Nh và anh M đã hết, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, chị Nh yêu cầu ly hôn với anh Phan Thanh M.

Lời khai của ông Phan Văn H (cha ruột anh M) cung cấp: Vợ chồng (Nh - M) phát sinh mâu thuẫn vào 2014, do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, kinh tế khó khăn, thường xuyên cãi vã, M hay cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Từ đó, Nh bỏ về nhà cha mẹ ruột của Nh sinh sống từ năm 2014 cho đến nay và không còn qua lại với M. Gia đình đã động viên nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị Nh và anh M phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 và sống xa nhau từ năm 2014 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho chị Nh và anh M hàn gắn tình cảm, nhưng anh M vắng mặt và không gửi ý kiến phản hồi cho Tòa án.

Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị Nh và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét, cho chị Trần Thị N ly hôn với anh Phan Thanh M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nh và anh M có 01 (một) con chung tên Phan Thanh B, sinh ngày 02/5/2013. Chị Nh yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Qua xác minh tại Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Long Phú, thị xã Tân Châu và lời khai của ông Phan Văn H (cha ruột anh M) thì cháu B được chị Nh và ông bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu B được đi học đúng độ tuổi. Đồng thời, cháu B có nguyện vọng sống với mẹ (Trần Thị N).

Xét, giao cháu Phan Thanh B, sinh ngày 02/5/2013 cho chị Trần Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh M không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Chị Trần Thị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phan Thanh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Phan Thanh M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Phan Thanh M.

Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/10/2013, do Ủy ban nhân dân xã VX Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Trần Thị N và anh Phan Thanh M không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Trần Thị N được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Phan Thanh B, sinh ngày 02/5/2013. Anh Phan Thanh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phan Thanh M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0005468 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Trần Thị N đã nộp đủ án phí.

Anh Phan Thanh M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nh có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh M là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Sơn Điền Thi Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thị Thùy Dương

